

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 8 - 2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN P, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cao Thị Hồng Minh

Bà Nguyễn Thị Nhung

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Quàng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2023/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Lò Thị K**, sinh năm 1992; Nơi đăng ký thường trú: Bản N1, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; Chỗ ở hiện nay: Bản C, xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

* Bị đơn: Anh **Quàng Văn P**, sinh năm 1988; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Bản N1, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/02/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Quàng Văn P kết hôn tại UBND xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên vào ngày 13/01/2010 trên tinh thần tự nguyện. Ngay sau kết hôn, hai vợ chồng chuyển đến cư trú tại bản N1, xã N, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên để gần với bố mẹ chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên tôi phải chuyển về sống với bố mẹ đẻ ở M. Chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 7/2019,

đến nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi đề nghị Toà án giải quyết cho tôi ly hôn với anh P.

- Về con chung: Chúng tôi có hai con chung là cháu Quàng Văn T, sinh ngày 10/9/2010 và cháu Quàng Thị Hải Y, sinh ngày 13/10/2015. Nguyên vọng của tôi là được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Quàng Thị Hải Y vì cháu là con gái và còn nhỏ, đây cũng là nguyên vọng của cháu Y thể hiện tại Đơn trình bày nguyên vọng mà tôi đã nộp cho Toà còn cháu Quàng Văn T để anh P chăm sóc nuôi dưỡng vì cháu T lớn hơn, lại là con trai nên ở với nhà nội sẽ phù hợp với tục lệ của chúng tôi. Việc này cũng phù hợp với nguyên vọng của cháu T được thể hiện tại Đơn trình bày nguyên vọng của cháu mà tôi đã giao nộp cho Toà án. Về cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 14/02/2023, sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân thành phố Điện Biên P đã thông báo nội dung đơn xin ly hôn và các yêu cầu cụ thể của chị K cho anh P biết. Tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý cho anh P, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận thông báo thụ lý vụ án, anh P không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa đã triệu tập nhiều lần và tiến hành tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra chứng cứ và hòa giải vụ án cho anh P. Nhưng anh P vẫn không đến Tòa án. Do vậy Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và Luật hôn nhân gia đình đối với các đương sự. Ngày 15/6/2023, Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P đã ra quyết định xét xử và đã tổng đạt hợp lệ cho anh P nhưng anh P vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất và tiến hành tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Quàng Văn P đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do chính đáng căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, HĐXX vẫn tiến hành xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Lò Thị K vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi cháu Quàng Thị Hải Y, về cấp dưỡng không yêu cầu Tòa giải quyết, cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản và nợ như nội dung trong đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn, Toà án xác định đây là vụ án Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại bản N1, xã N, thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về điều luật áp dụng: Chị K và anh P kết hôn năm 2010 nên Toà án sẽ áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để xem xét tính hợp pháp của quan hệ hôn nhân và áp dụng các quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết vụ án.

[4] Về việc vắng mặt đương sự: Tòa án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 175, Điều 177/ BLTTDS, việc anh P không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72/BLTTDS là do anh P đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[5] Về nội dung vụ án:

[5.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị K và anh Quảng Văn P có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện M, tỉnh Điện Biên trên tinh thần tự nguyện nên theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Theo bản tự khai của chị K và đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân của UBND xã N do chị K cung cấp cho thấy: Quá trình chung sống chị K và anh P phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống bất đồng nên thường xuyên xảy ra cãi vã, chị K phải chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở M, vợ chồng đã ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay. Do thời gian ly thân đã lâu, mỗi người một nơi, không ai còn quan tâm đến ai nên tình cảm vợ chồng không còn. Xét thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc nên chị K đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh P.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn. Tuy nhiên, anh P không có ý kiến trả lời, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình, vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt phiên tòa không có lý do. Điều này thể hiện sự không thiện chí trong việc hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng, cũng như việc tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình của bị đơn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, để đảm bảo quyền lợi cho chị K và để giải phóng cho chị khỏi cuộc hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Thực tế hai anh chị đã sống ly thân một thời gian dài nên đã vi phạm Điều 19 về nghĩa vụ của vợ chồng trong việc duy trì sống chung với nhau, duy trì sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Áp dụng Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị K về việc ly hôn với anh Quảng Văn P.

[5.2] Về con chung:

Chị K và anh P có hai con chung là cháu Quảng Văn T, sinh ngày 10/9/2010 và cháu Quảng Thị Hải Y, sinh ngày 13/10/2015. Xét nguyện vọng của chị K được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Quảng Thị Hải Y là chính đáng vì cháu Y là con gái, hiện còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc, quan tâm thường xuyên của người mẹ. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của chính cháu Y theo Đơn trình bày nguyện vọng cháu

Y viết gửi cho Toà. Đối với cháu Quảng Văn T, do cháu là con trai, lớn hơn cháu Y, bản thân cháu T có văn bản trình bày nguyện vọng xin được ở với bố vì đã quen ở với nhà nội nên giao cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T là phù hợp, vừa đảm bảo lợi ích của trẻ nhỏ, vừa cân bằng quyền lợi của cha mẹ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con cái. Mặt khác, tại đơn xác nhận điều kiện kinh tế do chị K cung cấp, có xác nhận của UBND xã N thể hiện chị K và anh P ngoài làm nương còn đi làm thuê, phụ hồ có công việc, thu nhập ổn định nên sẽ đảm bảo điều kiện kinh tế trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con cái. Do đó, căn cứ vào Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu giải quyết về con chung của chị K: giao cháu Quảng Thị Hải Y, sinh ngày 13/10/2015 cho chị K trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Quảng Văn T, sinh ngày 10/9/2010 cho anh P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị K không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5.3] Về tài sản chung: Do chị K không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5.4] Về nợ chung: Do chị K không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 69, Điều 19, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Lò Thị K được ly hôn với anh Quảng Văn P.

2. Về con chung: Chị Lò Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Quảng Thị Hải Y, sinh ngày 13/10/2015 cho đến khi cháu Y đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác. Anh Quảng Văn P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Quảng Văn T, sinh ngày 10/9/2010 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung và nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002148 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Điện Biên P, tỉnh Điện Biên (chị K đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (08/8/2023). Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP ĐBP;
- UBND xã N, TP ĐBP;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký, đóng dấu)**

Trần Thị Thu Trà